

Bản án số: 476/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 309/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nghiêm Lệ D, sinh năm: 1989

Địa chỉ: E N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Tô Anh K, sinh năm: 1985

Địa chỉ: E N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2024, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nghiêm Lệ D trình bày: Bà và ông Tô Anh K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01/2008, cấp ngày 29/9/2008.

Quá trình chung sống, bà D và ông K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do khác biệt quan điểm sống, ông K không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi nhậu và có mối quan hệ bên ngoài, về nhà hay la mắng vợ con. Bà D cũng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, bà và ông K đã ly thân gần ba năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà D khai, giữa bà và ông K chung sống có hai con chung tên Tô Tú T, sinh ngày 29/3/2009 và Tô Tân T1, sinh ngày 07/12/2012. Bà D yêu cầu nuôi hai con chung, bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D khai không có.

Ngày 13/8/2024, bà D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông K nhưng ông K vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà D và ông K là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn ông Tô Anh K có địa chỉ cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn:

Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên, giữa bà D và ông K không có sự tôn trọng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, không có sự giúp đỡ nhau. Ông K đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được lý do không đồng ý ly hôn và Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K không có mặt để Tòa án hòa giải. Như vậy, ông K cũng không có ý muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau. Ngoài ra, hiện tại bà D, ông K vẫn tiếp

tục sống ly thân, như vậy, cho thấy mục đích hôn nhân của bà D và ông K không đạt được. Ông K cũng không còn quan tâm, thiết tha đến cuộc sống hôn nhân gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông K không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ.

- Về con chung: Bà D yêu cầu được nuôi hai con là Tô Tú T, sinh ngày 29/3/2009 và Tô Tân T1, sinh ngày 07/12/2012. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ T và Tân T1 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hiện nay trẻ Tú T và Tân T1 đang ở cùng với bà D, để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của trẻ Hội đồng xét xử xem xét giao trẻ Tô Tú T, sinh ngày 29/3/2009 và Tô Tân T1, sinh ngày 07/12/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà D và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nghiêm Lệ D

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nghiêm Lệ D được ly hôn với ông Tô Anh K.

- Về con chung: Giao con chung tên Tô Tú T, sinh ngày 29/3/2009 và Tô Tân T1, sinh ngày 07/12/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tô Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà D tự thỏa thuận với ông K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà D chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0020017 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- UBND Phường 5, Quận 10
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Phạm Hà Thiên Tâm